

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 28/5/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Ngọc Trao.

Bà Lê Thị Kim Xuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 N 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử công khai vụ án thụ lý số 388/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 N 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu T, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: khu K, ấp H, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Tr, bà Nh có mặt, ông H, bà Tr, ông N, ông M, bà H vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 N 2020 nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr trình bày:*

Ngày 24/10/2019 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr cùng với bà Nguyễn Thị H (cháu ruột của ông H) có đến nhà ông để hỏi vay tiền. Sau khi thỏa thuận xong thì vợ chồng ông đồng ý cho ông H, bà Tr vay số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có lập giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 và ông H, bà Tr có ký tên và lấn tay vào giấy ủy quyền, đồng thời chị Nguyễn Thị H cũng ký làm chứng. Theo giấy ủy quyền này thì ông cho ông H, bà Tr vay số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 N, lãi suất các bên tự thỏa thuận, thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng. Để đảm bảo cho việc trả nợ thì ông H, bà Tr có đưa cho ông giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H. Sau khi lập giấy vay tiền thì vợ chồng ông đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho ông H, bà Tr.

Đến ngày 24/11/2019 ông H, bà Tr có đến nhà ông để trả cho vợ chồng ông số tiền lãi là 4.500.000 đồng và đề nghị vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Do tin tưởng nên vợ chồng ông đồng ý cho ông H, bà Tr vay thêm 50.000.000 đồng, việc cho vay thêm có ghi vào mặt sau của giấy ủy quyền đã lập ở lần vay ngày 24/10/2019, trong đó cũng ghi rõ mọi thỏa thuận giao kết ở đợt 2 này cũng giống như thỏa thuận ở đợt 1.

Tổng cộng 02 lần ông H, bà Tr đã vay của ông số tiền là 200.000.000 đồng.

Từ ngày 24/11/2019 đến nay mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà Tr cố tình trốn tránh và không trả thêm cho ông phần gốc và lãi nào.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải trả cho ông tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/10/2020 là 66.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 25/10/2020 đến ngày xét xử 28/5/2021 theo mức lãi

suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền là 24.214.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi ông yêu cầu ông H, bà Tr phải thanh toán cho ông là 290.214.000 đồng.

Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Ngọc H thì khi nào ông H, bà Tr trả H số nợ cho ông, thì ông đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

*- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ngày 24/10/2019 vợ chồng ông cùng với bà Nguyễn Thị H (cháu ruột của ông) có đến nhà ông Nguyễn Thanh Tr để hỏi vay tiền. Sau khi thỏa thuận xong thì vợ chồng ông đồng ý vay của ông Tr số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có lập giấy ủy quyền ngày 24/10/2019, ông và bà Tr có ký tên và lấn tay vào giấy ủy quyền, đồng thời chị Nguyễn Thị H cũng ký làm chứng. Theo giấy ủy quyền này thì vợ chồng ông vay của ông Tr số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 N, lãi suất các bên tự thỏa thuận, thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng. Để đảm bảo cho việc trả nợ thì ông có đưa cho ông Tr giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H. Sau khi lập giấy vay tiền thì vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng.

Đến ngày 24/11/2019 vợ chồng ông có đến nhà ông Tr để trả cho vợ chồng ông Tr số tiền lãi là 4.500.000 đồng và đề nghị vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Việc cho vay thêm có ghi vào mặt sau của giấy ủy quyền đã lập ở lần vay ngày 24/10/2019, trong đó cũng ghi rõ mọi thỏa thuận giao kết ở đợt 2 này cũng giống như thỏa thuận ở đợt 1.

Tổng cộng 02 lần vợ chồng ông đã vay của vợ chồng ông Tr số tiền là 200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn thất bại nên từ ngày 24/11/2019 đến nay vợ chồng ông không thanh toán cho ông Tr bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào.

Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 66.000.000 đồng, tổng cộng là 266.000.000 đồng, ông đồng ý. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng ông đang gặp khó khăn nên ông đề nghị ông Tr cho vợ chồng ông được trả từ từ. Ông không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác.

Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Ngọc H thì khi nào vợ chồng ông bà trả H số nợ cho vợ chồng ông Tr, thì yêu cầu ông Tr trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.*

*- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Nh trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh Tr, vào tối ngày 24/10/2019 ông H, bà Tr cùng với bà Nguyễn Thị H (cháu ruột của ông H) có đến nhà bà để hỏi vay tiền. Sau khi thỏa thuận xong thì vợ chồng bà đồng ý cho ông H, bà Tr vay số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có lập giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 và ông H, bà Tr có ký tên và lấn tay vào giấy ủy quyền, đồng thời chị Nguyễn Thị H cũng ký làm chứng, thời điểm cho vay tiền bà cũng có mặt, tuy nhiên do bà không biết chữ nên bà không ký vào giấy ủy quyền. Theo giấy ủy quyền này thì chồng bà là Nguyễn Thanh Tr đứng ra cho ông H, bà Tr vay số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 N, lãi suất các bên tự thỏa thuận, thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng. Để đảm bảo cho việc trả nợ thì ông H, bà Tr có đưa cho chồng bà giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H. Sau khi lập giấy vay tiền thì vợ chồng bà đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho ông H, bà Tr.

Đến ngày 24/11/2019 ông H, bà Tr có đến nhà bà để trả cho vợ chồng bà số tiền lãi là 4.500.000 đồng và đề nghị vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Do tin tưởng nên vợ chồng bà đồng ý cho ông H, bà Tr vay thêm 50.000.000 đồng, việc cho vay thêm có ghi vào mặt sau của giấy ủy quyền đã lập ở lần vay ngày 24/10/2019, trong đó cũng ghi rõ mọi thỏa thuận giao kết ở đợt 2 này cũng giống như thỏa thuận ở đợt 1.

Tổng cộng 02 lần ông H, bà Tr đã vay của vợ chồng bà số tiền là 200.000.000 đồng. Từ ngày 24/11/2019 đến nay mặc dù vợ chồng bà đã nhiều

lần yêu cầu ông H, bà Tr trả nợ nhưng ông bà cố tình trốn tránh và không trả thêm cho vợ chồng bà phần gốc và lãi nào

Bà xác định số tiền 200.000.000 đồng mà ông Tr đứng ra cho ông H, bà Tr vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay ông Tr đứng ra khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà Tr trả toàn bộ số tiền gốc cùng với lãi phát sinh thì bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông Tr. Bà không có yêu cầu độc lập hay đề nghị gì khác.

Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Ngọc H thì khi nào ông H, bà Tr trả H số nợ cho vợ chồng bà, thì vợ chồng bà đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông H.

*- Tại bản tự khai ngày 26/02/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 24/10/2019 ông H, bà Tr có nhờ bà dẫn đến nhà ông Nguyễn Thanh Tr để vay tiền. Tại nhà ông Tr, ông H, bà Tr có lập giấy ủy quyền, theo đó ông H, bà Tr vay của ông Tr số tiền 150.000.000 đồng và đồng thời ông H, bà Tr giao cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599. Bà có ký tên làm chứng trong giấy ủy quyền. Việc thỏa thuận lãi suất và thời gian trả thì giữa ông H, bà Tr với ông Tr tự thỏa thuận, bà không không biết gì.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 hiện nay đang đứng đồng sở hữu gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà.

Theo bà được biết ông H, bà Tr vay của ông Tr số tiền 200.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này ông H, bà Tr toàn quyền sử dụng, bà không sử dụng bất cứ phần tiền nào trong khoản vay này.

Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ông H, bà Tr phải trả toàn bộ số tiền vay là 266.000.000 đồng thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập hay yêu cầu gì khác.

*- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Hai ông xác định, hiện nay hai ông đang đứng đồng sở hữu phần diện tích đất 683 m<sup>2</sup> thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 22, xã Phước Khánh cùng với ông

Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H. Sổ sổ được cấp là CS 915599 ngày 12/9/2019. Hiện nay mỗi người đang giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Việc ông H, bà Tr dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông H để thế chấp vay tiền của ông Nguyễn Thanh Tr thì các ông hoàn toàn không biết. Các ông không liên quan và cũng không sử dụng bất cứ khoản tiền nào của ông H vay của ông Tr.

Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ông H, bà Tr phải trả toàn bộ số tiền vay là 266.000.000 đồng thì hai ông không có ý kiến và cũng không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này.

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:*

**Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:** Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

**Về đường lối giải quyết vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Tr buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr trả số tiền 200.000.000 đồng đã mượn từ ngày 24/10/2019 và ngày 24/11/2019 và yêu cầu trả lãi vay 03%/tháng với số tiền lãi là 90.214.000 đồng là có cơ sở chấp nhận 1 phần. Bởi vì ông Nguyễn Văn H xác định ngày 24/10/2019 vợ chồng ông có vay tiền của ông Tr 150.000.000 đồng tiền gốc và thỏa thuận lãi suất là 03%/ tháng. Thời hạn vay là 01 N, để đảm bảo cho việc trả nợ thì vợ chồng ông có đưa ông Tr 1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H. Đến ngày 24/11/2019, vợ chồng ông tiếp tục đến nhà ông Tr trả tiền lãi 4.500.000 đồng và vay thêm ông Tr 50.000.000 đồng tiền gốc và mọi thỏa thuận giao kết lần 2 này giống như lần đầu này 24/10/2019. Ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Tr nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả từ từ. Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 ngày 12/9/2019 đứng tên ông cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H thì khi nào ông và bà Tr trả H số nợ cho vợ chồng ông Tr, thì vợ chồng ông Tr phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lại cho ông. Tuy nhiên tiền lãi 03%/tháng tương đương 36%/N vượt quá quy định về lãi xuất cho vay quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015 nên cần phải điều chỉnh lại lãi

suất vay. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lại ông Tr số tiền 200.000.000 đồng tiền vay và chấp nhận 1 phần về lãi suất vay.

Căn cứ Điều 466; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự N 2015: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: ông H, bà Tr; ông Tr phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị đơn ông Nguyễn Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà Tr, bà H, ông N, ông M.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào giấy ủy quyền về việc vay tiền ngày 24/10/2019 thì xác định việc vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr với ông Nguyễn Thanh Tr thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự N 2015 có hiệu lực thi hành, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 để giải quyết.

[5]. Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và 66.000.000 đồng tiền lãi suất tính từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/10/2020, yêu cầu ông H, bà Tr tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 25/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/5/2021 theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để

chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy ủy quyền 24/10/2019 (bút lục 03).

Quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Văn H cũng xác định vợ chồng ông bà còn nợ số tiền gốc và lãi là 266.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Tr. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và lời khai nhận của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị Nh đã có đủ cơ sở để xác định vào ngày 24/10/2019 và ngày 24/11/2019 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr có ký hợp đồng ủy quyền để vay của ông Nguyễn Thanh Tr số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 24/10/2019 đến ngày 24/10/2020, lãi suất do các bên thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc trả nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr có thể chấp cho ông Nguyễn Thanh Tr 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị H.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về số tiền nợ gốc: Căn cứ giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 thì ông H, bà Tr phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay cho ông Tr khi H hạn hợp đồng. Tuy nhiên từ ngày 24/10/2020 đến nay ông H, bà Tr không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện đã thanh toán khoản tiền vay cho ông Tr, quá trình làm việc ông H cũng thừa nhận chưa thanh toán được bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào cho ông Tr tính từ ngày 24/11/2019 đến ngày ông Tr khởi kiện. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự N 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”.

Như vậy từ ngày 25/10/2020 đến nay ông H, bà Tr không trả nợ cho ông Tr là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, nay ông Tr khởi kiện yêu cầu ông H, bà Tr phải trả lại toàn bộ số tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Quá trình làm việc nguyên đơn, bị đơn xác định trong giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 ghi lãi suất do các bên tự thỏa thuận và thực tế các bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải trả lãi trên tổng số tiền vay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tính từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/10/2020 và đề nghị tính lãi quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015 tính từ ngày 25/10/2020 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 28/5/2021.

Xét yêu cầu về việc tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 hai bên ghi lãi suất do các bên thỏa thuận. Quá trình làm việc phía nguyên đơn khai rằng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng. Quá trình làm việc bị đơn ông H cũng thừa nhận số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 24/10/2020 và ông H đồng ý thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và các quy định pháp luật xác định việc vay tiền giữa ông Tr với ông H, bà Tr là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất. Quá trình làm việc các bên xác định lãi suất là 3%/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H, bà Tr phải trả tiền lãi từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/10/2020 với mức lãi suất là 3%/tháng thành tiền là 66.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 25/10/2020 đến ngày xét xử 28/5/2021 theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015 với số tiền là 24.214.000 đồng.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm *“Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015”*. Việc các đương sự thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng tương đương với 36%/N là vượt quá quy định của pháp luật do đó phải điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ và thời gian trả nợ nên cần buộc bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 với mức lãi suất là 20%/N (tương đương 1,67%/tháng).

Về thời gian chậm trả: Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 thì đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu từ ngày tiếp theo liền kề của ngày H kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Theo giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 thì thời hạn vay từ ngày 24/11/2019 đến ngày 24/10/2020. Do đó thời điểm để tính lãi trong hạn bắt đầu tính từ ngày 25/11/2019 đến ngày 24/10/2020. Thời gian tính lãi quá hạn tính từ ngày 25/10/2020 đến ngày xét xử 28/5/2021.

Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

Tiền lãi trong hạn:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 36.740.000 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25/10/2020 đến ngày xét xử 28/5/2021 là 07 tháng 03 ngày  $\times 200.000.000 \text{ đồng} \times 2,25\%/\text{tháng}$  (150% của lãi suất trong hạn)  $= 31.950.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr là 268.690.000 đồng trong đó 200.000.000 đồng tiền gốc và 68.690.000 đồng tiền lãi.

Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Ngọc H để đảm bảo việc vay tiền giữa ông H, bà Tr với ông Tr là không đúng quy định của pháp luật, bởi vì sau khi thế chấp các bên không đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó buộc ông Tr phải có trách nhiệm trả lại cho ông H, bà Tr bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 khi ông H, bà Tr thanh toán đầy đủ số tiền nợ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr phải chịu án phí đối với số tiền lãi suất vượt quá không được chấp nhận là:  $21.524.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.076.000 \text{ đồng}$ . Nhưng được khấu trừ vào số tiền 6.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001081 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Hoàn trả cho ông Tr số tiền 5.574.000 đồng án phí còn dư.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xác M, thu thập chứng cứ. Do nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr đã tạm nộp số tiền này nên ông H, bà Tr phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Tr số tiền nêu trên.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015.

Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự N 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Luật thi hành án dân sự N 2008, đã được sửa đổi bổ sung N 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh Tr toàn bộ số tiền là 268.690.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

+ Nợ lãi là 68.690.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông H, bà Tr còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015.

Buộc ông Nguyễn Thanh Tr phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 915599 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/9/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H cùng các đồng sở hữu là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Ngọc H ngay sau khi ông H, bà Tr thanh toán đủ số tiền nợ cho ông Tr.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 13.434.500 đồng (mười ba triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn N trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr phải chịu 1.076.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi suất vượt quá không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 6.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001081 ngày

24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Hoàn trả cho ông Tr số tiền 5.574.000 đồng án phí còn dư.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xác M, thu thập chứng cứ. Do nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tr đã tạm nộp số tiền này nên ông H, bà Tr phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Tr số tiền nêu trên.

4. Ông Nguyễn Thanh Tr, bà Hồ Thị Nh được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Nhơn Trạch;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thành**